

Số: 1325/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 423/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôngiữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Duy T - Sinh năm: 2001

Số CCCD: 079201024905

Địa chỉ: Số A đường N, phường T (trước đây là tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Mai P - Sinh năm: 2004

Số CCCD: 079304003486

Địa chỉ: Số C đường H, phường T (trước đây là tổ B, khu phố A, phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Nguyễn Duy T - Sinh năm: 2001

Số CCCD: 079201024905

Địa chỉ: Số A đường N, phường T (trước đây là tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Mai P - Sinh năm: 2004

Số CCCD: 079304003486

Địa chỉ: Số C đường H, phường T (trước đây là tổ B, khu phố A, phường T, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị Mai P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị Mai P không có con chung.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị Mai P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Nguyễn Duy T tự nguyện nộp, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Duy T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017590 ngày 16/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Duy T nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng)

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2022 đăng ký ngày 09/6/2022 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị kể từ ngày quyết định này có hiệu lực.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 2-TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2);
- UBND P.Tam Bình, TP.HCM;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Hải Quỳnh Anh